TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TRÀ VINH** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2022/HNGĐ - ST
Ngày: 19 – 8 - 2022
"V/v Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Giáp Trà Giang
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Thạch Thị Mỹ Kim
Ông Đặng Văn Dúng

Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Chí Thiện – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 148/2022/TLST-HNGĐ về việc *"ly hôn"*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2022, Thông báo dời phiên tòa số: 22/2020/QĐST ngày 11 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn T. N**, sinh năm: 1972;

Địa chỉ: ấp B, phường C, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm: 1968;

Địa chỉ: ấp B, phường C, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn bà Nguyễn T. N trình bày và có yêu cầu như sau:*

- Về hôn nhân: Vào năm 1991 bà và Nguyễn Văn T kết hôn với nhau và có đăng ký trể hạn vào năm 2002 tại Uỷ ban nhân dân phường 4, thành phố Trà Vinh. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc với nhau, nhưng từ năm 2013 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, luôn bất đồng quan điểm, ông bà đã nhiều lần hòa giải, hàn gắn nhưng không thành. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

- Về con chung: có 02 người con chung Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1993 và Nguyễn Ngọc H1, sinh năm 2003 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên

không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Nguyễn Văn T vắng mặt tất cả các lần triệu tập của Tòa, nên không thu thập được lời khai.*

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự và Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt và bị đơn đã được Tòa án triệp tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, do đó căn cứ Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn Nguyễn T. N, Hội đồng xét xử nhận thấy: Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn T. N và ông Nguyễn Văn T tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại phường B nên quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn T. N và ông Nguyễn Văn T là hợp pháp.

Tuy nhiên trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng bà Nguyễn T. N và ông Nguyễn Văn T có phát sinh mâu thuẫn, ông bà đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay và hai bên không có ý muốn đoàn tụ với nhau. Ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập nhiều lần để hòa giải nhưng ông đều vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy sự việc bà Nguyễn T. N trình bày giữa bà và ông Nguyễn Văn T không thể hàn gắn do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn T. N là có căn cứ.

- Về con chung: các con chung đều trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

- Tài sản chung, nợ chung: đương sự tự khai không có nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, nguyên đơn có nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn T. N

Cho bà Nguyễn T. N được ly hôn với ông Nguyễn Văn T

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Tòa án không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn T. N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số: 0010212 ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh nên không phải nộp thêm.

Án xử sơ thẩm, đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại Uỷ ban nhân dã xã, phường nơi đương sự cư trú.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh TV;
-VKSND TPTV;
- Chi cục THADSTPTV;
- UBND phường B
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Giáp Trà Giang